

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH PHÚC

Số: 1165/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Vĩnh Phúc, ngày 09 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Bộ chỉ số phục vụ công tác
chỉ đạo điều hành trên môi trường điện tử tỉnh Vĩnh Phúc**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 65/2025/QH15 ngày 19/02/2025;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 09/2019/NĐ-CP ngày 24/01/2019 quy định về chế độ báo cáo của các cơ quan hành chính nhà nước; số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 131/NQ-CP ngày 06/10/2022 của Chính phủ về đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính và hiện đại hóa phương thức chỉ đạo, điều hành phục vụ người dân, doanh nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 20/9/2024 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Kế hoạch hành động chuyển đổi số hoạt động chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trực tuyến và dựa trên dữ liệu, giai đoạn 2024 - 2025, định hướng đến năm 2030;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 43/TTr-SKHCN ngày 29/05/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bộ chỉ số phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành trên môi trường điện tử tỉnh Vĩnh Phúc, gồm các nhóm chỉ số:

- Nhóm chỉ số phục vụ chỉ đạo, điều hành thường xuyên.
- Nhóm chỉ số theo dõi nhiệm vụ thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội định kỳ.
- Nhóm chỉ số theo dõi tiến độ thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, dự án trọng điểm quốc gia đến năm 2025.

4. Nhóm chỉ số phục vụ chỉ đạo, điều hành trong các tình huống khẩn cấp như thiên tai, dịch bệnh, ứng phó và tìm kiếm cứu nạn.

(Chi tiết tại Phụ lục đính kèm)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Văn phòng UBND tỉnh; các Sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh; UBND các địa phương; đề nghị: Chi cục Thống kê tỉnh Vĩnh Phúc; Chi cục Thuế khu vực VIII; Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh khu vực 4; Bảo hiểm xã hội khu vực XVIII:

- Cung cấp thông tin, phân tích, dự báo thông tin, dữ liệu về các chỉ số tại các Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. Chịu trách nhiệm về tính chuẩn hoá, chính xác, thống nhất, an toàn, bảo mật, liên tục, thông suốt về thông tin, dữ liệu của các chỉ số được giao cung cấp, tích hợp, kết nối, chia sẻ.

- Xây dựng, lựa chọn các chỉ số thành phần cốt lõi phục vụ theo dõi, giám sát, đánh giá việc thực hiện các chỉ tiêu kinh tế - xã hội, các chương trình, dự án trọng điểm theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ Trưởng các Ban, ngành, đơn vị thuộc tỉnh, Chủ tịch UBND các địa phương trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc và các tổ chức, cá nhân có liên quan tại Điều 2 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Duy Đông

PHỤ LỤC
BỘ CHỈ SỐ PHỤC VỤ CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH
TRÊN MÔI TRƯỜNG ĐIỆN TỬ TỈNH VĨNH PHÚC
(Kèm theo Quyết định số: 1165/QĐ-UBND ngày 09/6/2025
của Ủy ban Nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc)

TT	Thông tin, dữ liệu	Phạm vi	Thời gian	Phân tổ	Cơ quan thực hiện
A. NHÓM CHỈ SỐ PHỤC VỤ CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH THƯỜNG XUYỀN					
I	CHỈ SỐ GIÁ				
1	Chỉ số giá tiêu dùng tháng <i>(so với tháng trước; so với tháng 12 năm trước; so với cùng kỳ năm trước)</i>	Toàn tỉnh	Tháng	11 nhóm hành chính	Chi cục Thống kê tỉnh
2	Chỉ số giá tiêu dùng bình quân so với cùng kỳ năm trước	Toàn tỉnh	Tháng	11 nhóm hành chính	Chi cục Thống kê tỉnh
3	Chỉ số giá vàng <i>(so với tháng trước; so với cùng kỳ năm trước; bình quân so với cùng kỳ năm trước)</i>	Toàn tỉnh	Tháng		Chi cục Thống kê tỉnh
4	Chỉ số giá đô la Mỹ <i>(so với tháng trước; so với cùng kỳ năm trước; bình quân so với cùng kỳ năm trước)</i>	Toàn tỉnh	Tháng		Chi cục Thống kê tỉnh
II	TÀI CHÍNH - NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC				
1	Thu ngân sách <i>(lũy kế đến kỳ báo cáo; so sánh với dự toán)</i>	Toàn tỉnh	Ngày/ Tháng	Các khoản thu chủ yếu	Sở Tài chính
2	Chi ngân sách <i>(lũy kế đến kỳ báo cáo; so sánh với dự toán)</i>	Toàn tỉnh	Tháng	Các khoản chi chủ yếu	Sở Tài chính
3	Giải ngân vốn đầu tư công	Toàn tỉnh	Tháng	Sở, ngành,	Sở Tài chính

				huyện, thành phố	
4	Thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác NSNN (tổng thu các sắc thuế: thuế GTGT, thuế TNDN, thuế TNCN,... các loại phí, lệ phí và khoản thu khác)	Toàn tỉnh	Tháng	Phân ngành kinh tế/ Sắc thuế	Chi cục Thuế khu vực VIII
III	NGÂN HÀNG				
1	Tỷ giá trung tâm của Đồng Việt Nam với Đô la Mỹ	Toàn tỉnh	Ngày		Văn phòng UBND tỉnh; Sở Khoa học và Công nghệ; Ngân hàng Nhà nước Khu vực IV thực hiện kết nối với hệ thống
2	Lãi suất tiền gửi và cho vay	Toàn tỉnh	Tháng	VNĐ, USD/kỳ hạn	
3	Lãi suất liên ngân hàng	Toàn tỉnh	Tháng	VNĐ, USD/kỳ hạn	
4	Tổng phương tiện thanh toán	Toàn tỉnh	Tháng		
5	Dư nợ tín dụng của các tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài	Toàn tỉnh	Tháng	Phân ngành kinh tế (VSIC)/ tỉnh thành phố/loại hình kinh tế	
IV	TÀI CHÍNH – DOANH NGHIỆP				
1	Doanh nghiệp (đang hoạt động; thành lập mới; số vốn đăng ký; quay trở lại hoạt động; tạm ngừng kinh doanh; chờ làm thủ tục giải thể; giải thể...)	Toàn tỉnh	Tháng	Phân ngành kinh tế (VSIC)	Sở Tài chính

2	Đấu thầu (<i>tổng số gói thầu, tổng giá trị trúng thầu và tỷ lệ tiết kiệm trong đấu thầu</i>)	Toàn tỉnh	Tháng/Năm	Phân ngành kinh tế	Sở Tài chính
3	Hợp tác xã, kinh tế tập thể (<i>đang hoạt động; thành lập mới; vốn điều lệ; giải thể</i>)	Toàn tỉnh	Tháng	Phân ngành kinh tế	Sở Tài chính
4	Khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế (<i>thành lập, điều chỉnh; thu hút đầu tư; đầu tư kết cấu hạ tầng; bảo vệ môi trường; tình hình sản xuất kinh doanh...</i>)	Toàn tỉnh	Tháng	Phân ngành kinh tế/Đối tác đầu tư	Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh
5	Đầu tư nước ngoài (<i>vốn thực hiện; tình hình sản xuất kinh doanh; đăng ký đầu tư, bao gồm đầu tư mới, điều chỉnh vốn, góp vốn mua cổ phần...</i>)	Toàn tỉnh	Tháng	Phân ngành kinh tế (VSIC), tỉnh, thành phố	Sở Tài chính
6	Đầu tư ra nước ngoài (<i>đăng ký đầu tư, bao gồm đầu tư mới, tăng vốn...</i>)	Toàn tỉnh	Tháng	Phân ngành kinh tế/Nước tiếp nhận đầu tư	Sở Tài chính
7	Dự án đầu tư công (<i>số lượng dự án; tổng vốn đầu tư; giải ngân theo dự án...</i>)	Toàn tỉnh	Tháng	Phân ngành kinh tế	Sở Tài chính
V	CÔNG THƯƠNG				
1	Chỉ số sản xuất công nghiệp	Toàn tỉnh	Tháng	Phân ngành cấp 2 VSIC	Chi cục Thống kê tỉnh
2	Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ	Toàn tỉnh	Tháng	Sản phẩm	Chi cục Thống kê tỉnh

	yếu				
3	Điện năng (<i>nguồn, phụ tải, năng lượng tái tạo, nhập khẩu...</i>)	Toàn tỉnh	Tháng/Quý	Loại nguồn điện	Sở Công Thương
VI	NÔNG NGHIỆP				
1	Xuất khẩu ngành nông nghiệp	Toàn tỉnh	Tháng	Nước, vùng lãnh thổ	Sở Nông nghiệp và Môi trường
2	Nhập khẩu ngành nông nghiệp	Toàn tỉnh	Tháng	Nước, vùng lãnh thổ	Sở Nông nghiệp và Môi trường
3	Xuất khẩu gạo	Toàn tỉnh	Quý	Nước, vùng lãnh thổ	Sở Nông nghiệp và Môi trường
4	Sản lượng lúa	Toàn tỉnh	Theo mùa vụ	Huyện, thành phố	Chi cục Thống kê tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường
5	Tỷ lệ xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới (<i>nâng cao, kiểu mẫu...</i>)	Toàn tỉnh	Tháng		Sở Nông nghiệp và Môi trường
6	Số lượng huyện được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới	Toàn tỉnh	Tháng	Huyện, thành phố	Sở Nông nghiệp và Môi trường
7	Diện tích rừng bị thiệt hại (<i>bị chặt phá, bị cháy...</i>)	Toàn tỉnh	Tháng		Sở Nông nghiệp và Môi trường
8	Diện tích rừng trồng mới tập trung	Toàn tỉnh	Tháng		Sở Nông nghiệp và Môi trường
VII	XÂY DỰNG				

1	Nhà ở và thị trường bất động sản (<i>số lượng, diện tích công trình xây dựng nhà ở</i>)	Toàn tỉnh	Tháng	Phân loại công trình	Sở Xây dựng
2	Dự án quan trọng quốc gia, công trình trọng điểm của ngành Sở Xây dựng (<i>dự án; tổng vốn đầu tư; giải ngân; tiến độ thực hiện, vướng mắc, kiến nghị...</i>)	Dự án	Tháng		Sở Xây dựng
VII CÁC NGÀNH DỊCH VỤ					
1	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng (<i>bán lẻ hàng hóa, dịch vụ lưu trú ăn uống, dịch vụ lễ hành, dịch vụ kinh doanh bất động sản, dịch vụ khác</i>)	Toàn tỉnh	Tháng	Nhóm hàng chủ yếu	Chi cục Thống kê tỉnh, Sở Công Thương
2	Số lượt khách quốc tế đến Vĩnh Phúc (<i>hàng không, đường bộ</i>)	Toàn tỉnh	Tháng	Châu lục, nước, vùng lãnh thổ	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
3	Số lượt khách du lịch nội địa	Toàn tỉnh	Tháng		Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
4	Vận tải hành khách (<i>vận chuyển, luân chuyển...</i>)	Trong tỉnh/ Ngoài tỉnh	Tháng	Phương thức vận tải	Chi cục Thống kê tỉnh
5	Vận tải hàng hóa (<i>vận chuyển, luân chuyển...</i>)	Trong tỉnh/ Ngoài tỉnh	Tháng	Phương thức vận tải	Chi cục Thống kê tỉnh
6	Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải	Trong tỉnh/ Ngoài tỉnh	Tháng		Chi cục Thống kê tỉnh

7	Thương mại điện tử (doanh thu, tốc độ tăng trưởng, quy mô thị trường...)	Toàn tỉnh	Tháng/ Năm	Tỉnh/thành phố, ngành kinh tế, khu vực kinh tế	Sở Công Thương
IX	BẢO HIỂM XÃ HỘI				
1	Số người tham gia BHXH, BHYT, BHTN	Toàn tỉnh	Tháng/ Quý/ Năm	BHXH, BHYT, BHTN,	Bảo hiểm Xã hội Khu vực XVIII
2	Số người hưởng BHXH, BHYT, BHTN	Toàn tỉnh	Tháng/ Quý/ Năm	BHXH, BHYT, BHTN,	Bảo hiểm Xã hội Khu vực VIII
3	Thu BHXH, BHYT, BHTN	Toàn tỉnh	Tháng/Quý/ Năm	BHXH, BHYT, BHTN,	Bảo hiểm Xã hội Khu vực XVIII
4	Chi trả BHXH, BHYT, BHTN	Toàn tỉnh	Tháng/Qu ý/ Năm	BHXH, BHYT, BHTN,	Bảo hiểm Xã hội Khu vực XVIII
X	QUẢN LÝ XÃ HỘI, AN NINH TRẬT TỰ, THANH TRA				
1	Dân cư (giới tính; thành thị, nông thôn; dân tộc; tôn giáo; tỷ trọng dân số; thẻ CCCD đã cấp; tài khoản định danh điện tử)	Toàn tỉnh	Tháng		Công an tỉnh
2	Xuất nhập cảnh qua đường hàng không	Toàn tỉnh	Tháng	Nước, vùng lãnh thổ	Công an tỉnh
3	Phòng cháy, chữa cháy (số vụ, số người chết, bị thương, thiệt hại...)	Toàn tỉnh	Tháng		Công an tỉnh
4	An toàn giao thông (số vụ tai nạn; số người chết; số người bị thương)	Toàn tỉnh	Tháng		Ban An toàn giao thông tỉnh
5	Ngộ độc thực phẩm (số	Toàn tỉnh	Tháng		Sở Y tế

	<i>vụ, số người bị ngộ độc, số người chết...)</i>				
6	Dịch bệnh nhóm A, B theo Luật Phòng chống bệnh truyền nhiễm (<i>số người nhiễm, số người tử vong...</i>)	Toàn tỉnh	Tháng		Sở Y tế
7	Phòng, chống tội phạm (<i>ma túy; công nghệ cao; quản lý kinh tế; tham nhũng, tội phạm có tổ chức...</i>)	Toàn tỉnh	Tháng		Công an tỉnh
8	Công tác thanh tra (<i>thanh tra hành chính; thanh tra, kiểm tra chuyên ngành; kế hoạch thanh tra...</i>)	Toàn tỉnh	Tháng		Thanh tra tỉnh
9	Tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo (<i>cuộc tiếp công dân; tiếp nhận đơn thư; giải quyết vụ việc khiếu nại, tố cáo...</i>)	Toàn tỉnh	Tháng		Thanh tra tỉnh
XI	LAO ĐỘNG, VIỆC LÀM, GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO				
1	Lao động (<i>lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam, giao dịch việc làm, lao động hưởng bảo hiểm thất nghiệp...</i>)	Toàn tỉnh	Quý/06 tháng/cả năm	Nước, vùng lãnh thổ	Sở Nội vụ
2	Giáo dục nghề nghiệp (<i>cơ sở giáo dục nghề nghiệp, tuyển mới, tốt nghiệp,...</i>)	Toàn tỉnh	Tháng	Công lập/ ngoài công lập, giới tính, dân tộc, trình độ chuyên	Sở Giáo dục và Đào tạo

				môn	
3	Số cơ sở giáo dục nghề nghiệp có dạy nghề cho người khuyết tật	Toàn tỉnh	Tháng/ Quý/Năm	Huyện, thành phố	Sở Giáo dục và Đào tạo
4	Bảo trợ xã hội (số người được trợ cấp xã hội hàng tháng; số người/hộ gia đình được hỗ trợ kinh phí chăm sóc hàng tháng; số người khuyết tật được cấp giấy chứng nhận; số người khuyết tật được cấp thẻ bảo hiểm y tế)	Toàn tỉnh	Tháng/ Quý/Năm	Huyện, thành phố	Sở Y tế
5	Giáo dục và đào tạo (<i>Giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên</i>)	Toàn tỉnh	Tháng 7 và 11 hằng năm	Công lập, ngoài công lập, giới tính, dân tộc	Sở Giáo dục và Đào tạo
XII NỘI VỤ - CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH, CHUYỂN ĐỔI SỐ					
1	Công chức, viên chức (<i>biên chế hưởng lương từ NSNN; biên chế được giao; biên chế thực hiện; số tuyển mới, số nghỉ hưu, thôi việc, chuyển công tác ra khỏi cơ quan...</i>)	Toàn tỉnh	Tháng		Sở Nội vụ
2	Tỷ lệ người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến	Toàn tỉnh	Tháng		Sở Khoa học và Công nghệ
3	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên Cổng dịch vụ công quốc gia	Toàn tỉnh	Tháng		Văn phòng UBND tỉnh
4	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên Cổng dịch vụ	Toàn tỉnh	Tháng		Văn phòng UBND tỉnh

	công quốc gia				
5	Tỷ lệ cắt giảm, đơn giản hóa quy định, chi phí tuân thủ quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh	Toàn tỉnh	06 tháng/năm		Văn phòng UBND tỉnh
6	Nhóm chỉ số đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử	Toàn tỉnh	Tháng		Văn phòng UBND tỉnh
7	Nhóm chỉ số theo dõi việc thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao	Sở, ngành/huyện, thành phố	Tháng		Văn phòng UBND tỉnh
8	Chỉ số cải cách hành chính của tỉnh và của các sở, ngành, địa phương	Sở, ngành/Huyện, thành phố	Năm		Sở Nội vụ
XIII	NHÓM CHỈ SỐ THEO DÕI GIÁM SÁT VỀ TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA CÁC ĐỊA PHƯƠNG	Huyện, thành phố	Tháng		UBND huyện, thành phố

B. NHÓM CHỈ SỐ THEO DÕI NHIỆM VỤ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI ĐỊNH KỲ

1	Tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước (GDP) và GRDP của các địa phương	Toàn tỉnh	Quý/Năm		Sở Tài chính; Chi cục Thống kê tỉnh
2	GDP bình quân đầu người; GRDP bình quân đầu người	Toàn tỉnh	Năm		Sở Tài chính; Chi cục Thống kê tỉnh

3	Tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GRDP	Toàn tỉnh	Quý/Năm		Sở Tài chính; Chi cục Thống kê tỉnh
4	Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân	Toàn tỉnh	Tháng/Năm		Chi cục Thống kê tỉnh
5	Tốc độ tăng năng suất lao động	Toàn tỉnh	Năm		Chi cục Thống kê tỉnh
6	Tỷ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội	Toàn tỉnh	Quý/Năm		Chi cục Thống kê tỉnh
7	Tỷ lệ lao động qua đào tạo. Trong đó: Tỷ lệ lao động qua đào tạo có văn bằng, chứng chỉ	Toàn tỉnh	Quý/Năm		Chi cục Thống kê tỉnh, Sở Nội vụ
8	Tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị	Toàn tỉnh	Quý/Năm		Chi cục Thống kê tỉnh
9	Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều	Toàn tỉnh	Năm	Toàn tỉnh/ dân tộc thiểu số	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Dân tộc và Tôn giáo
10	Số bác sĩ trên 10.000 dân	Toàn tỉnh	Năm		Sở Y tế
11	Số giường bệnh trên 10.000 dân	Toàn tỉnh	Năm		Sở Y tế
12	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	Toàn tỉnh	Quý/Năm		Sở Y tế
13	Tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới	Toàn tỉnh	Quý/Năm		Sở Nông nghiệp và Môi trường
14	Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị bảo đảm tiêu chuẩn,	Toàn tỉnh	Quý/Năm		Sở Tài nguyên và

	quy chuẩn				Môi trường
15	Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	Toàn tỉnh	Năm		Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh

C. NHÓM CHỈ SỐ THEO DÕI TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA, DỰ ÁN TRỌNG ĐIỂM QUỐC GIA ĐẾN NĂM 2025

1	Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới	Toàn tỉnh	Giờ/Ngày/ Tháng		Sở Nông nghiệp và Môi trường
2	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	Toàn tỉnh	Giờ/Ngày/ Tháng	Theo Dự án	Sở Nông nghiệp và Môi trường
3	Các dự án quan trọng quốc gia, công trình trọng điểm của ngành Xây dựng	Toàn tỉnh	Tháng		Sở Xây dựng

D. NHÓM CHỈ SỐ PHỤC VỤ CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH TRONG CÁC TÌNH HUỐNG KHẨN CẤP NHƯ THIÊN TAI, DỊCH BỆNH, ỨNG PHÓ VÀ TÌM KIẾM CỨU NẠN

1	Các thông tin về khí tượng thủy văn (<i>số liệu quan trắc khí tượng thủy văn, bản tin dự báo thời tiết, cảnh báo thiên tai khí tượng thủy văn tại khu vực xảy ra thiên tai, dịch bệnh, ứng phó và tìm kiếm cứu nạn</i>)	Toàn tỉnh	Giờ/Ngày/ Tháng		Sở Nông nghiệp và Môi trường
2	Các thông tin về công trình phòng chống thiên tai (<i>hồ chứa thủy lợi, thủy điện, đê điều, sạt lở bờ sông, bờ biển</i>)	Toàn tỉnh	Giờ/Ngày/ Tháng		Sở Nông nghiệp và Môi trường

3	Các thông tin về dân sinh - kinh tế (<i>dân cư, nhà ở, đất diện tích trồng trọt, số đầu con trong chăn nuôi, diện tích thủy sản, số hộ thiếu đói...</i>)	Toàn tỉnh	Tháng/ Quý/ Năm	Huyện, thành phố	Sở Xây dựng; Sở Nông nghiệp và Môi trường
4	Số hộ/người được hỗ trợ lương thực do thiên tai, hỏa hoạn, giáp hạt hoặc lý do bất khả kháng khác	Toàn tỉnh	Tháng/ Quý/ Năm	Huyện, thành phố	Sở Nông nghiệp và Môi trường
5	Tổng số gạo hỗ trợ	Toàn tỉnh	Tháng/ Quý/ Năm	Huyện, thành phố	Sở Nông nghiệp và Môi trường
6	Các dữ liệu về bản đồ và ảnh viễn thám (<i>bản đồ rủi ro thiên tai, sạt lở, ngập lụt, ảnh vệ tinh...</i>)	Toàn tỉnh	Tháng		Sở Nông nghiệp và Môi trường
7	Các thông tin dữ liệu về Xây dựng (<i>điểm có nguy cơ sạt lở, lở, bao gồm tọa độ, chiều dài, phương án xử lý...</i>)	Toàn tỉnh	Tháng		Sở Xây dựng